

Bản tin Phân tích kỹ thuật

03/06/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 thu hẹp hoàn toàn đà tăng có được từ đầu phiên, đóng cửa vi phạm đường MA20 và MA50 cho thấy áp lực điều chỉnh áp đảo tại vùng giá cao. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.976 điểm, mục tiêu tại vùng 1.965 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.980 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.976 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.965 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.980 điểm

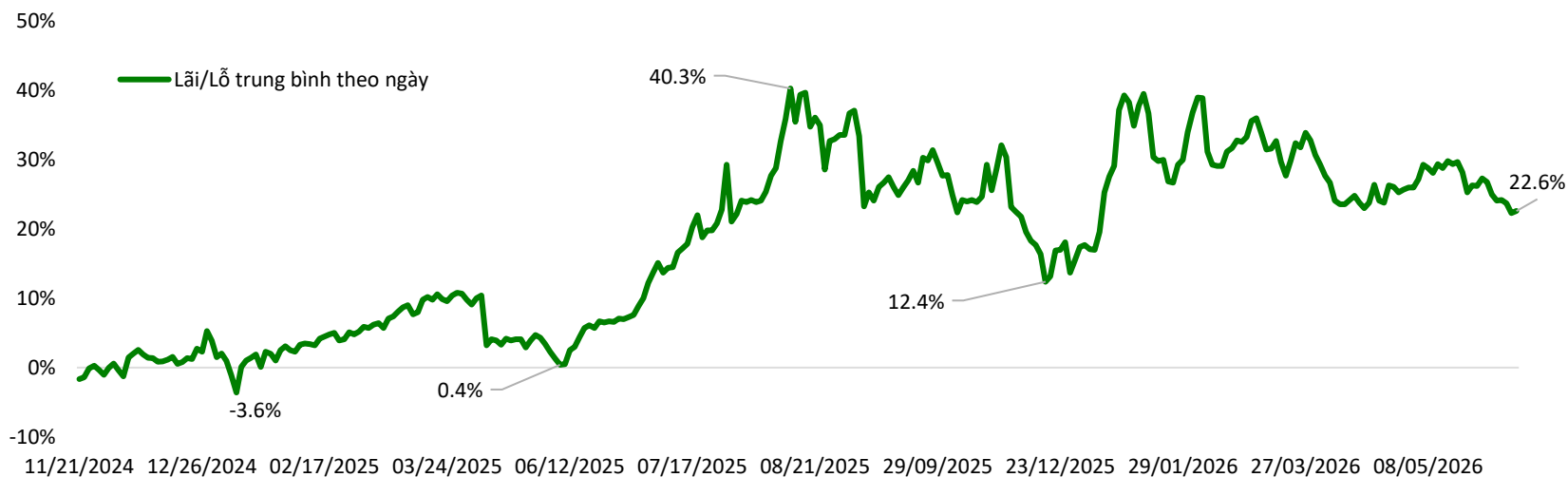
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index biến động mạnh nhưng thanh khoản chưa tăng đáng kể, cho thấy trạng thái giằng co chưa đi kèm áp lực bán quyết liệt. Lực cầu cải thiện tại Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng, gia tăng nổi bật ở Chứng khoán và duy trì tích cực tại Công nghệ. Ở chiều ngược lại, áp lực bán đã thuyên giảm trên phần lớn nhóm ngành.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thu hẹp đà giảm khi tiếp cận MA50 quanh 1.810 điểm. Thanh khoản thấp cho thấy lực bán đã tiết chế, nhưng lực mua vẫn chưa đủ mạnh để xác nhận tín hiệu đảo chiều. Do đó, chỉ số nhiều khả năng sẽ dao động trong biên độ 1.810–1.840 điểm, với sai số khoảng 10 điểm trong các phiên tới.
- Đánh giá rủi ro, nhịp thu hẹp đà giảm hiện chủ yếu mang tính kỹ thuật khi VN-Index phản ứng tại hỗ trợ MA50. Tín hiệu tạo đáy vẫn chưa được xác nhận do lực mua chưa gia tăng đủ rõ. Khuyến nghị chưa gia tăng tỷ trọng và chỉ duy trì vị thế ngắn hạn có sẵn ở mức thăm dò. Vị thế mở mới chỉ nên cân nhắc với tỷ trọng thấp tại các nhóm có lực cầu cải thiện như Chứng khoán, Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng và Công nghệ.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,500	47,500	0.0%	46,000	53,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	197,600	-3.56%	-6.26%	1,522,712	-13.278	1,506	10.3	131.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	148,700	-1.39%	0.88%	609,540	-2.078	15,766	2.3	9.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	48,000	-5.70%	-11.11%	143,390	-2.000	3,738	2.9	12.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	84,500	2.80%	3.68%	203,894	1.396	4,808	3.0	17.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
ACB	26,000	3.59%	3.17%	133,553	1.172	3,167	1.4	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	25,200	2.23%	-0.79%	202,986	1.109	3,442	1.4	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,150	1.90%	0.00%	203,899	0.948	2,499	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	76,500	2.27%	5.37%	130,318	0.725	5,691	3.4	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MSN	75,100	2.60%	-1.83%	108,588	0.690	3,268	3.0	23.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	61,900	0.49%	-3.58%	517,216	0.617	4,301	2.2	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TCB	31,550	-1.10%	-6.24%	223,571	-0.600	3,677	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VRE	30,050	-3.06%	-3.84%	68,283	-0.512	3,025	1.4	9.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDB	25,200	1.20%	-5.62%	126,133	0.372	3,546	1.6	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,900	0.48%	-3.23%	305,035	0.358	4,392	1.7	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	13,600	-4.23%	-11.69%	30,389	-0.314	1,512	0.7	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

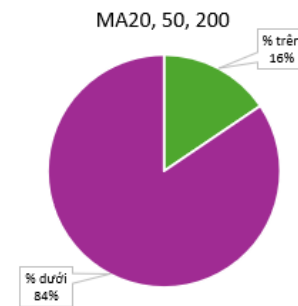
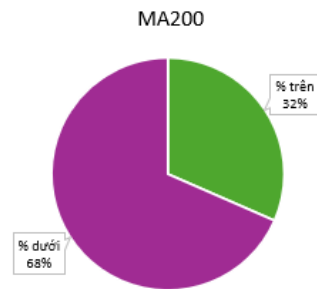
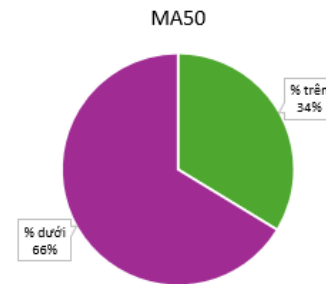
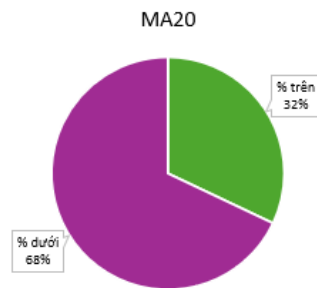
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	102,100	-9.96%	19.70%	91,868	-17.602	14,074	5.3	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	160,000	8.25%	58.42%	61,600	9.777	271	13.9	590.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	18,300	3.39%	0.00%	16,550	1.079	1,463	1.3	12.6	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
KSV	160,200	1.39%	1.01%	32,040	0.858	13,090	5.3	12.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,500	1.85%	0.00%	19,690	0.701	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,900	1.53%	-1.97%	19,919	0.586	1,829	2.4	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	43,500	1.40%	0.46%	16,508	0.444	4,899	2.5	8.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NVB	11,600	0.87%	-0.85%	22,326	0.373	43	1.6	267.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SCG	74,100	2.92%	12.44%	6,299	0.353	4,155	3.7	17.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
IPA	15,600	4.00%	0.65%	3,336	0.257	2,549	0.7	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	94,200	1.51%	-1.88%	284,703	0.170	3,657	6.4	25.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	60,000	-1.80%	-2.91%	72,660	-0.052	1,955	4.9	31.0	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
RGG	40,700	14.97%	3.04%	8,140	0.048	735	3.3	55.4	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCR	41,000	13.89%	-2.15%	8,610	0.047	-496	5.9	-82.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
F88	163,800	-6.35%	4.87%	18,296	-0.046	6,543	7.5	25.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	43,700	0.69%	-0.46%	156,107	0.043	2,980	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	69,800	15.37%	-1.69%	5,587	0.034	6,136	5.5	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
SEA	47,300	13.70%	13.98%	5,737	0.031	1,641	2.3	28.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	81,600	0.62%	-0.24%	59,842	0.015	4,791	5.1	16.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
TIN	125,000	-3.10%	-1.57%	11,502	-0.014	15,995	4.7	7.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	160,000	8.3%	34.4	3.1	25,400	147,800	13.9	590.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,900	0.6%	17.1	11.8	7,220	15,800	1.2	5.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	50,900	2.8%	14.7	1.4	43,000	50,100	1.4	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	26,550	-0.2%	23.9	27.5	26,600	33,000	1.5	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	24,500	-0.8%	7.8	7.9	24,700	38,900	1.7	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	17,850	-0.6%	5.8	5.4	17,900	22,000	1.7	174.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,000	-3.4%	5.9	17.6	6,210	12,650	0.5	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
AIG	50,900	2.8%	14.7	1.4	43,000	50,100	1.4	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	160,000	8.3%	34.4	3.1	25,400	147,800	13.9	590.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCI	12,300	7.0%	11.5	2.9	8,050	13,400	1.0	-637.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/06/2026	02/06/2026	01/06/2026	29/05/2026	28/05/2026	27/05/2026	26/05/2026	25/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	23%	26%	26%	26%	25%	26%	25%
		Dưới	77%	77%	74%	74%	74%	75%	74%	75%
	MA50	Trên	32%	32%	34%	36%	34%	38%	37%	33%
		Dưới	68%	68%	66%	64%	66%	62%	63%	67%
	MA20	Trên	28%	27%	30%	29%	31%	36%	31%	26%
		Dưới	72%	73%	70%	71%	69%	64%	69%	74%
VN30	MA200	Trên	37%	37%	43%	47%	47%	43%	47%	43%
		Dưới	63%	63%	57%	53%	53%	57%	53%	57%
	MA50	Trên	43%	50%	53%	57%	57%	70%	70%	60%
		Dưới	57%	50%	47%	43%	43%	30%	30%	40%
	MA20	Trên	20%	13%	27%	30%	33%	47%	40%	30%
		Dưới	80%	87%	73%	70%	67%	53%	60%	70%
HNX	MA200	Trên	33%	34%	32%	31%	31%	32%	33%	33%
		Dưới	67%	66%	68%	69%	69%	68%	67%	67%
	MA50	Trên	36%	36%	32%	32%	32%	36%	37%	35%
		Dưới	64%	64%	68%	68%	68%	64%	63%	65%
	MA20	Trên	33%	34%	32%	31%	31%	32%	33%	33%
		Dưới	67%	66%	68%	69%	69%	68%	67%	67%
UPCOM	MA200	Trên	34%	32%	33%	33%	32%	32%	32%	31%
		Dưới	66%	68%	67%	67%	68%	68%	68%	69%
	MA50	Trên	34%	32%	32%	32%	31%	31%	32%	31%
		Dưới	66%	68%	68%	68%	69%	69%	68%	69%
	MA20	Trên	35%	34%	34%	34%	34%	34%	35%	35%
		Dưới	65%	66%	66%	66%	66%	66%	65%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 6										Tháng 5									
		03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07
1	Ngân hàng	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57
2	Dịch vụ tài chính	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52
3	Tài nguyên Cơ bản	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61
4	Du lịch và Giải trí	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59
5	Thực phẩm và đồ uống	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55
6	Ô tô và phụ tùng	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48
7	Bảo hiểm	38	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30	25	28	27	24	22	22	20
8	Xây dựng và Vật liệu	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53
9	Bất động sản	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65
10	Hàng & Dịch vụ Cón...	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53
11	Công nghệ Thông tin	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17
12	Bán lẻ	32	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46
13	Hóa chất	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55
14	Điện, nước & xăng d...	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40
15	Dầu khí	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46
16	Hàng cá nhân & Gia ...	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	26,000	3.6%	3.2%	133,553	1.4	8.2	3,167	1,563.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	102,100	-10.0%	19.7%	91,868	5.3	7.3	14,074	33.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	160,000	8.3%	58.4%	61,600	13.9	590.0	271	34.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,900	0.6%	1.9%	22,090	1.2	5.0	3,178	17.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	51,100	0.0%	5.8%	14,809	2.2	24.3	2,100	60.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	50,900	2.8%	4.9%	8,658	1.4	8.6	5,878	14.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	49,950	2.4%	-0.1%	5,331	2.2	18.1	2,758	31.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	126,000	1.9%	4.6%	2,712	3.3	5.9	21,443	26.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
C69	17,900	1.7%	1.7%	1,106	1.5	21.6	828	25.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,400	1.2%	5.0%	954	0.8	34.3	245	7.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CMS	7,900	-3.7%	25.4%	201	0.7	6.3	1,249	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	47,500	1.1%	-0.5%	60,922	2.7	12.7	3,754	29.8	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	163,800	-6.3%	4.9%	18,296	7.5	25.4	6,543	38.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAN	22,200	-0.9%	1.1%	1,443	1.6	20.1	1,103	8.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCI	12,300	7.0%	7.9%	1,422	1.0	-637.4	-19	11.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SSB	14,400	0.0%	-3.0%	49,375	1.2	15.8	912	49.8	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
OCB	11,950	3.5%	-0.4%	31,823	0.9	7.5	1,604	59.4	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VND	17,950	4.7%	4.1%	27,325	1.3	12.5	1,435	517.4	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SHS	18,300	3.4%	0.0%	16,550	1.3	12.6	1,463	331.6	Tích cực	6.5	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
VAB	10,450	0.5%	-3.2%	8,531	0.8	5.9	1,758	9.2	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVL	13,600	-4.2%	-11.7%	30,389	0.7	9.0	1,512	712.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VSC	19,650	2.1%	-4.6%	7,356	1.4	26.9	731	87.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	21,300	0.9%	-3.6%	5,671	1.5	5.3	3,992	6.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	23,000	0.2%	-6.9%	4,140	1.3	17.6	1,309	12.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	24,500	-0.8%	-4.3%	2,707	1.7	13.6	1,805	7.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	9,110	-0.1%	-1.1%	1,882	0.7	12.9	705	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,000	-3.4%	-16.3%	640	0.5	7.8	772	5.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,020	0.4%	-0.8%	2,256	0.4	33.8	149	17.1	Tiêu cực	-8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,950	0.3%	-4.0%	263,688	1.4	6.9	4,906	220.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,550	-1.1%	-6.2%	223,571	1.3	8.6	3,677	350.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	26,450	0.0%	-5.7%	209,852	1.2	8.0	3,314	326.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDB	25,200	1.2%	-5.6%	126,133	1.6	7.1	3,546	268.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	58,300	-0.5%	-0.9%	121,844	3.7	11.9	4,914	223.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	40,300	0.0%	-6.3%	111,788	2.5	18.3	2,202	40.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	32,200	0.0%	-4.0%	78,404	2.6	18.0	1,791	129.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SSI	27,300	1.1%	-2.2%	68,007	1.7	12.7	2,153	401.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	15,900	0.6%	-4.8%	54,124	1.1	7.1	2,231	114.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPX	26,550	-0.2%	-3.8%	49,781	1.5	11.7	2,263	23.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	39,400	1.4%	-0.1%	49,744	2.0	28.0	1,400	49.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
EIB	21,100	0.2%	-3.9%	39,303	1.5	52.6	401	110.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,300	0.00%	-7.00%	25,500	125.7%	(143)	0.9	-79.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,800	0.22%	-4.08%	91,200	99.1%	6,911	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,900	-0.22%	-0.43%	42,600	86.0%	1,077	1.4	21.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	23,000	0.22%	-6.88%	42,400	84.3%	1,309	1.3	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,400	1.34%	0.00%	45,800	72.8%	1,599	1.0	16.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TV2	29,300	3.53%	-2.98%	49,000	67.2%	1,971	1.5	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,450	-0.34%	-2.36%	23,100	59.9%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	42,250	0.36%	-2.42%	66,800	58.1%	2,896	2.1	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,200	0.87%	-3.53%	36,200	56.0%	1,798	1.3	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,500	1.85%	0.00%	60,000	55.8%	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	76,500	2.27%	5.37%	116,600	52.4%	5,691	3.4	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLC	21,200	-1.40%	-1.85%	31,900	50.5%	(99)	1.4	-215.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,950	0.30%	-3.96%	50,000	47.3%	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,600	-4.23%	-11.69%	20,000	47.1%	1,512	0.7	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HPG	24,150	1.90%	0.00%	35,400	46.6%	2,499	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	0.00%	-5.70%	38,000	43.7%	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	25,200	2.23%	-0.79%	36,000	42.9%	3,442	1.4	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,800	1.16%	-1.36%	30,800	41.3%	2,433	1.1	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,500	1.74%	-3.58%	24,600	40.6%	3,419	1.2	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	128,100	0.31%	-2.21%	178,800	39.6%	5,368	4.9	23.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn